

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 01 - 2025.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và ông Nguyễn Nhân Phái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 247/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cái Thị X, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, thành phố H, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn P, thị trấn P, huyện P, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 9 năm 2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Cái Thị X trình bày:

Chị Cái Thị X và anh Nguyễn Hữu Đ chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay cãi vã, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Chị X và anh Đ sống ly thân khoảng hơn 05 tháng nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị X không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Diệu Nhã U, sinh ngày 14/01/2024, hiện đang ở với chị X. Chị X yêu cầu giao cháu U cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị X yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị X thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ về việc chị X xin ly hôn. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định anh X không có văn bản trình bày ý kiến và đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2024, bà Lê Thị H (mẹ anh Nguyễn Hữu Đ) cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Hữu Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, thành phố H. Chị X và anh Đ có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do có đánh đập. Hiện nay đã sống ly thân được khoảng 04 tháng; vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Nguyễn Diệu Nhã U, sinh ngày 14/01/2024, hiện nay đang sống cùng với chị X. Bà H đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao lại cho anh Đ.

Do không hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 30/12/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa ngày 09/01/2025, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí đề nghị xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Theo Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Hữu Đ.

Tại phiên tòa, chị X thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên cần chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cái Thị X và anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/3/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị X và anh Đ đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên hai người đã sống ly thân khoảng 05 tháng, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, vợ chồng có đánh đập nhau, điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị X và anh Đ đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cái Thị X.

[2.2] Về việc nuôi con: Hiện cháu Nguyễn Diệu Nhã U, sinh ngày 14/01/2024 do chị X nuôi dưỡng. Cháu U đang còn nhỏ, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị X, giao cháu U cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị X yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu U là 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng cấp dưỡng nuôi con của anh Đ và quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Cái Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cái Thị X được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Diệu Nhã U, sinh ngày 14/01/2024 cho chị Cái Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Hữu Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/01 tháng kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh Nguyễn Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cái Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005414 ngày 11/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

